

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2018/DS-PT
Ngày 06-02-2018
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Thủy

Các Thẩm phán: Bà Trần Minh Phương

Ông Lương Ngọc Dũng

- Thư ký phiên toà: Ông Phan Hoàng Trần Trọng An - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng: Ông Hà Văn Dồn - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19 tháng 01 năm 2018 và ngày 06 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 33/2017/TLPT-DS ngày 08 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Do Bản án sơ thẩm số 10/2017/DS-ST ngày 26/9/2017 của Toà án nhân dân quận L bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2357/2017/QĐ-PT ngày 08 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng B trụ sở: Số 35 H, quận H, Hà Nội.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông H. Theo Quyết định uỷ quyền số 1561/QĐ-BIDV ngày 28/5/2015 và Quyết định uỷ quyền số 116/QĐ-BIDV.LT ngày 01/4/2016. Có mặt.

- Bị đơn: Bà Trần Thị Nguyệt N, sinh năm 1958; cư trú tại: ĐKHKT tại số 302 T, phường N, quận L, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

- Người kháng cáo: Bà Trần Thị Nguyệt N là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là Ngân hàng B trình bày:

Chi nhánh Ngân hàng P tại Hải Phòng, nay là Ngân hàng B (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và bà Trần Thị Nguyệt N đã ký kết các hợp đồng tín dụng sau:

1. Hợp đồng tín dụng số TD.0108.08/HĐTD ngày 28/3/2008:

- Số tiền vay 1.100.000.000đồng
- Mục đích vay: Xây nhà,
- Thời gian vay là 60 tháng (kể từ ngày 01/04/2008)
- Lãi suất vay kỳ đầu tiên: 1,6%/tháng

2. Hợp đồng tín dụng số TD.0132.08/HĐTD ngày 23/04/2008

- Số tiền vay 1.000.000.000đồng
- Mục đích vay: Xây nhà,
- Thời gian vay là 60 tháng (kể từ ngày 23/4/2008)
- Lãi suất vay kỳ đầu tiên: 1,55%/tháng

3. Hợp đồng tín dụng số TA.0230.08/HĐTD ngày 07/8/2008

- Số tiền vay 1.950.000.000đồng
- Mục đích vay: Mua nhà,
- Thời gian vay là 52 tháng (kể từ ngày 08/8/2008)
- Lãi suất vay kỳ đầu tiên: 1,75%/tháng

Để bảo đảm cho ba khoản vay trên, bà Trần thị Nguyệt N đã thế chấp tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại khu nhà ở A V, quận D, Hải Phòng theo GCNQSDĐ số AL 936752, sổ vào sổ cấp GCN: Q00312Q1 do UBND quận D, Hải Phòng cấp ngày 02/10/2008 cho người sử dụng đất là bà Trần Thị Nguyệt N.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng bà N đã trả được cho Ngân hàng số tiền 2.670.300.000đồng nợ gốc và 1.935.540.283đồng nợ lãi. Kể từ ngày 20/11/2011 cho đến nay bà N không trả bất kỳ khoản nợ nào khác. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện cho bà N thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng bà N không thực hiện được việc trả nợ. Tổng dư tiền nợ gốc và nợ lãi tính đến hết ngày 26/9/2017 của bà N là 3.165.505.628đồng. Trong đó: Nợ gốc là 1.379.700.000đồng, lãi trong hạn là 1.266.045.532đồng, lãi quá hạn là 519.760.096đồng.

Yêu cầu khởi kiện: Ngân hàng yêu cầu bà N phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi (bao gồm lãi trong hạn và lãi quá hạn) là: 3.165.505.628đồng (*Ba tỷ, một trăm sáu mươi lăm triệu, năm trăm linh lăm nghìn, sáu trăm hai mươi tám đồng*). Nếu bà N không trả được số nợ trên, Ngân hàng yêu cầu cơ quan thi hành án phát mại toàn bộ tài sản thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại khu nhà ở A V, quận D, Hải Phòng theo GCNQSDĐ số AL 936752, sổ vào sổ cấp GCN:

Q00312Q1 do UBND quận D, Hải Phòng cấp ngày 02/10/2008 cho người sử dụng đất là bà Trần Thị Nguyệt N theo hợp đồng thế chấp.

Bị đơn là bà Trần Thị Nguyệt N trình bày:

Bà N xác nhận có ký kết với Chi nhánh Ngân hàng P tại Hải Phòng mà nay là Ngân hàng B các hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản như đại diện của nguyên đơn trình bày. Trong quá trình thực hiện hợp đồng bà N đã trả được cho Ngân hàng là 2.670.300.000 đồng nợ gốc và 1.935.540.283 đồng nợ lãi. Do việc kinh doanh gặp khó khăn nên kể từ ngày 20/11/2011 đến nay bà N không trả được nợ cho Ngân hàng nên toàn bộ khoản vay đã bị chuyển sang nợ quá hạn.

Tài sản thế chấp cho khoản vay là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Khu nhà ở A V, quận D, Hải Phòng theo GCNQSDĐ số AL 936752, vào sổ cấp GCN số: Q00312Q1 do UBND quận D, Hải Phòng cấp ngày 02/10/2008 cho người sử dụng đất là bà Trần Thị Nguyệt N.

Đến nay bà N xác nhận còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là: 3.165.505.628 đồng (*Ba tỷ, một trăm sáu mươi lăm triệu, năm trăm linh lăm nghìn, sáu trăm hai mươi tám đồng*).

Tại Bản án sơ thẩm số 10/2017/DS-ST ngày 26/9/2017 của Toà án nhân dân Quận L, thành phố Hải Phòng đã:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 280, 281, 290, Điều 336, 338, 342, 348, 350, 351, 355, Điều 471, 474, 476 của Bộ luật Dân sự 2005; Điều 699 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 91 và 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Tuyên xử:

Buộc Bà Trần Thị Nguyệt N phải thanh toán cho Ngân hàng B số tiền gốc và lãi số tiền là 3.165.505.628đ (Ba tỷ, một trăm sáu mươi lăm triệu, năm trăm linh lăm nghìn, sáu trăm hai mươi tám đồng). Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm Bà Trần Thị Nguyệt N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản nợ gốc cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng B có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Trần Thị Nguyệt N không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Khu nhà ở A V, quận D, Hải Phòng theo GCNQSDĐ số AL 936752, sổ vào sổ cấp GCN: Q00312Q1 do UBND quận D, Hải Phòng cấp ngày 02/10/2008 cho chủ sở hữu là bà Trần Thị Nguyệt N.

Ngoài ra bản án còn tuyên nghĩa vụ chịu án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 10 tháng 10 năm 2017 bị đơn bà Trần Thị Nguyệt N kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án sửa một phần bản án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng liên quan đến số tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng, lý do: Số tiền nợ lãi đã hết thời hiệu khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn bà N giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Nguyên đơn Ngân hàng giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà N vì từ ngày 20/11/2011 bà N không trả được số tiền còn nợ. Ngân hàng đã làm việc và thông báo cho bà N toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi theo các hợp đồng tín dụng nhưng đến nay bà N không thực hiện việc trả nợ.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về yêu cầu kháng cáo của bị đơn: Theo Điều 162 Bộ luật Dân sự năm 2005; Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP hướng dẫn về tranh chấp dân sự phát sinh từ giao dịch dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, áp dụng Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và Điều 285 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án.

[2]. Về nội dung:

Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Nguyệt N:

Xét Hợp đồng tín dụng số TD.0108.08/HĐTD ngày 28/3/2008 và Hợp đồng tín dụng số TD.0132.08/HĐTD ngày 23/04/2008, Hợp đồng tín dụng số TA.0230.08/HĐTD ngày 07/8/2008 được ký kết trên cơ sở tự nguyện giữa người đại diện hợp pháp của Ngân hàng (bên cho vay) và bà Trần Thị Nguyệt N (bên vay). Hình thức và nội dung thỏa thuận của những hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội là những hợp đồng hợp pháp nên phát sinh hiệu lực buộc các bên phải thi hành.

Quá trình thực hiện hợp đồng: Bà N đã nhận đủ số tiền vay của Ngân hàng theo 3 hợp đồng đã ký kết nêu trên và đã thực hiện trả cho Ngân hàng số tiền là 2.670.300.000đồng nợ gốc và 1.935.540.283đồng nợ lãi. Do việc kinh doanh gặp khó khăn nên kể từ ngày 20/11/2011 bà N không trả được các khoản nợ. Ngân

hàng đã trực tiếp làm việc và thông báo cho bà N biết về các khoản tiền bà N còn nợ, tài liệu trong hồ sơ thể hiện ngày cuối cùng là ngày 10/01/2013 nhưng bà N không trả được nợ cho Ngân hàng. Như vậy bà N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo 3 hợp đồng đã ký kết với Ngân hàng.

Tại cấp sơ thẩm bà N xác nhận còn nợ Ngân hàng tổng số tiền gốc và lãi là: 3.165.505.628đồng. Song bà N kháng cáo cho rằng Ngân hàng chỉ được quyền khởi kiện yêu cầu bà N trả số tiền nợ gốc, còn số tiền nợ lãi thì thời hiệu khởi kiện đã hết và do Ngân hàng không liên hệ làm việc hoặc thông báo cho bà biết về việc bên vay vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nay để phát sinh tiền lãi dẫn đến tài sản của bà bảo đảm cho khoản vay quá lớn. Hội đồng xét xử đánh giá như sau:

Vụ án được Tòa án nhân dân quận L thụ lý sơ thẩm ngày 18/10/2016 nên áp dụng Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Theo quy định tại khoản 2 Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định *“Tòa án chỉ áp dụng thời hiệu theo yêu cầu áp dụng thời hiệu của một bên hoặc các bên với điều kiện yêu cầu này phải được đưa ra trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án hoặc quyết định giải quyết vụ việc”*.

Như vậy trong quá trình Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án bà N đều chấp nhận khoản nợ Ngân hàng cả nợ gốc và nợ lãi. Bà N không yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu để xem xét về khoản lãi. Do vậy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận L buộc bà N phải trả số lãi phát sinh từ số tiền nợ gốc theo các hợp đồng tín dụng là có căn cứ.

Về tài sản bảo đảm: Nội dung, hình thức của các hợp đồng thế chấp tuân thủ đúng quy định của pháp luật, tài sản được thế chấp cho Ngân hàng là do bà N tự nguyện ký kết với Ngân hàng để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy với yêu cầu phát mại tài sản thế chấp để đảm bảo cho việc thu hồi nợ của Ngân hàng là có căn cứ nên được chấp nhận theo quy định tại Điều 332, 342, 343, 348, 350, 351, 355 Bộ luật Dân sự năm 2005.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu kháng cáo của bà N là không có căn cứ nên không có cơ sở chấp nhận. Do vậy cần giữ nguyên bản án sơ thẩm buộc bà Trần Thị Nguyệt N phải thanh toán cho Ngân hàng B số tiền gốc và lãi là 3.165.505.628đồng (trong đó nợ gốc là 1.379.700.000đồng, lãi trong hạn là 1.266.045.532đồng, lãi quá hạn là 519.760.096đồng).

[3]. Về án phí phúc thẩm: Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên bà N phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị Nguyệt N.

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 10/2017/DS-ST ngày 26/9/2017 của Tòa án nhân dân quận L, thành phố Hải Phòng.

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 281, 290, Điều 471, 474, 476, Điều 342, 343, 348, 349, 350, 351, 355 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015;

Áp dụng Điều 91 và 95 Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Điều 27, Điều 30 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Buộc Bà Trần Thị Nguyệt N phải thanh toán cho Ngân hàng B tổng số tiền gốc và lãi là 3.165.505.628 đồng (*Ba tỷ, một trăm sáu mươi lăm triệu, năm trăm linh lăm nghìn, sáu trăm hai mươi tám đồng*).

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bà Trần Thị Nguyệt N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản nợ gốc cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Trường hợp trong các hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng B có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Trần Thị Nguyệt N không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên phát mại tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Khu nhà ở A V, quận D, Hải Phòng theo GCNQSDĐ số AL 936752, sổ vào sổ cấp GCN: Q00312Q1 do UBND quận D, Hải Phòng cấp ngày 02/10/2008 cho người sử dụng là bà Trần Thị Nguyệt N, để thu hồi nợ.

4. Về án phí sơ thẩm và phúc thẩm:

Bà Trần Thị Nguyệt N phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 95.310.112 đồng (*Chín mươi lăm triệu ba trăm mười nghìn một trăm mười hai đồng*).

Hoàn trả lại cho Ngân hàng B số tiền 46.000.000 đồng (*Bốn mươi sáu triệu đồng*) tạm ứng án phí dân sự đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự quận L theo Chứng từ ủy nhiệm chi ngày 13/10/2016.

Bà Trần Thị Nguyệt N phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0004774 ngày 19 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận L.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- TAND quận L;
- Chi cục THADS quận L;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thu Thủy